

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ
CẢNG – KỸ THUẬT BIỂN**

**Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4-5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12-28

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển (“Công ty”) là doanh nghiệp hoạt động độc lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 1 ngày 9 tháng 6 năm 2005 (vốn điều lệ 7,66 tỷ đồng), thay đổi lần 2 ngày 9 tháng 3 năm 2006 (vốn điều lệ 25,5 tỷ đồng), thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 12 năm 2008, thay đổi lần 4 ngày 4 tháng 9 năm 2009, thay đổi lần 5 ngày 2 tháng 11 năm 2009 (vốn điều lệ 53,5 tỷ đồng), thay đổi lần 6 ngày 14 tháng 12 năm 2009 (vốn điều lệ 99,2983 tỷ đồng), thay đổi lần 7 ngày 20 tháng 07 năm 2011 (vốn điều lệ 99,2983 tỷ đồng) và thay đổi lần 8 ngày 29 tháng 12 năm 2011 (vốn điều lệ 120,8707 tỷ đồng).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau :

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng - kỹ thuật Biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu;
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy;
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải;
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy); Thiết kế các công trình thủy;
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lập quy hoạch các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Đo đạc bản đồ, thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước công trình;
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Dịch vụ tư vấn hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh phía Bắc của Công ty được đặt tại Nhà số 21 Tập thể Bệnh viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Tấn Phúc	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lộc	Phó chủ tịch
Ông Dương Mạnh Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh ng	Ủy viên
Ông Phạm Duy Đông	Ủy viên
Ông Phạm nh Tuấn	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tâm Trinh	Ủy viên

Ban Điều hành

Ông Trần Tấn Phúc	Tổng giám đốc
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng giám đốc thường trực kiêm Giám đốc dự án
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Duy Đông	Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc kỹ thuật
Ông Lê Quang Khải	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Danh Nam	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Tân Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Trương Ngọc Tường	Kỹ sư trưởng
Bà Nguyễn Thị Tâm Trinh	Giám đốc tài chính
Ông Dương Mạnh Trung	Giám đốc nhân sự

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Điều hành đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông TRẦN TẤN PHÚC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tp. Hồ Chí Minh ngày 29 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Cảng -Kỹ Thuật Biển

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết kế Cảng-Kỹ Thuật Biển (g i ết là “Công ty”), được trình bày từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý r n g Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót tr n g yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp ch n mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các b n g chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan tr n g của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho r n g công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

1. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản công nợ phải thu với Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông vận tải phía Nam (Tedi South) 9.765.516.627 là số tạm tính. Vì vậy, nếu có bất kỳ sự điều chỉnh nào đối với các khoản nợ này thì có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.
2. Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, trong điều kiện hoạt động bình thường, báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Tuy nhiên, như đã nêu tại mục 3.1, mục 3.7, mục 4.10 và mục 4.20 của thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2009, năm 2010 Công ty có thực hiện đánh giá lại làm tăng giá trị tài sản cố định vô hình – quyền sử dụng đất và được ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2009 thêm khoảng 73,38 tỷ đồng, năm 2010 thêm khoảng 15,57 tỷ đồng dựa theo chứng thư thẩm định giá số 02171209/KHDN ngày 26 tháng 12 năm 2009 và theo chứng thư thẩm định giá số 03691/2010/VLAND-HCM ngày 20 tháng 12 năm 2010 do Công ty TNHH thẩm định giá Đất Việt phát hành được xác định theo giá thị trường. Ngoài ra, Công ty cũng chưa dự phòng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) đối với khoản chênh lệch tăng thêm do đánh giá lại tài sản này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Tư Vấn Thiết Kế Cảng -Kỹ Thuật Biển, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 02 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.023.408.114	115.206.853.563
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	28.935.870.564	20.776.027.079
Tiền	111		6.853.070.564	20.776.027.079
Các khoản tương đương tiền	112		22.082.800.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	9.349.168.000	5.940.518.240
Đầu tư ngắn hạn	121		9.349.168.000	5.940.518.240
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		55.389.035.205	45.536.126.137
Phải thu khách hàng	131	4.3	10.084.183.284	16.054.481.603
Trả trước cho người bán	132	4.4	13.594.509.206	10.195.453.182
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.5	31.710.342.715	19.286.191.352
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
Hàng tồn kho	140	4.6	65.078.647.438	37.580.681.455
Hàng tồn kho	141		65.078.647.438	37.580.681.455
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.270.686.907	5.373.500.652
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		233.932.542	444.290.931
Thuế GTGT được khấu trừ	152		551.284.349	506.008.247
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.7	4.485.470.016	4.423.201.474

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		332.224.671.753	323.197.489.162
Các khoản phải thu dài hạn	210	4.8	9.765.516.627	9.765.516.627
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		9.765.516.627	9.765.516.627
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		191.275.600.626	192.065.339.862
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	45.880.431.406	48.444.616.749
Nguyên giá	222		59.825.987.241	58.182.803.888
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.945.555.835)	(9.738.187.139)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	103.528.930.368	102.178.628.286
Nguyên giá	228		106.904.680.585	104.653.737.464
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.375.750.217)	(2.475.109.178)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	4.11	41.866.238.852	41.442.094.827
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.13	130.374.530.729	120.205.306.784
Đầu tư vào công ty con	251		105.429.873.729	96.700.649.784
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.469.707.000	6.469.707.000
Đầu tư dài hạn khác	258		18.474.950.000	17.034.950.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		809.023.771	1.161.325.889
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	809.023.771	1.161.325.889
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		496.248.079.867	438.404.342.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		226.239.692.970	182.392.194.360
Nợ ngắn hạn	310		213.346.083.039	169.411.844.929
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.14	29.359.875.615	46.352.142.231
Người mua trả tiền trước	313	4.14	130.146.924.827	59.475.013.475
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	4.15	28.871.073.512	32.838.776.248
Phải trả công nhân viên	315		2.042.136.000	281.600.000
Chi phí phải trả	316	4.16	294.441.809	294.441.809
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.17	15.463.938.572	14.161.173.884
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	4.18	7.167.692.704	16.008.697.282
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
Nợ dài hạn	330		12.893.609.931	12.980.349.431
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.19	12.828.468.117	12.828.468.117
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		65.141.814	151.881.314
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		270.008.386.897	256.012.148.365
Vốn chủ sở hữu	410	4.20	270.008.386.897	256.012.148.365
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.870.700.000	99.298.300.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.625.000.000	7.625.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	(254.300.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		88.948.714.820	88.948.714.820
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		7.460.000.000	7.100.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		6.310.000.000	5.950.000.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.793.972.077	47.344.433.545
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		496.248.079.867	438.404.342.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
USD		1.620,22	156.601,16
JPY		332,00	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGÔ NGỌC THU NHAN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH
Giám đốc tài chính

TRẦN TẤN PHÚC
Tổng Giám đốc

TP.HCM, ngày 29 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND	2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		81.025.486.846	149.680.182.324
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	81.025.486.846	149.680.182.324
Giá vốn hàng bán	11	5.2	61.038.851.630	77.233.943.341
Lợi nhuận gộp	20		19.986.635.216	72.446.238.983
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.131.394.860	2.986.658.620
Chi phí tài chính	22	5.4	161.419.596	535.665.976
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		154.794.400	370.359.274
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.5	12.421.138.649	13.232.964.628
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		8.535.471.831	61.664.266.999
Thu nhập khác	31	5.6	1.758.575.098	74.479.754
Chi phí khác	32	5.7	-	83.000.653
Lợi nhuận khác	40		1.758.575.098	(8.520.899)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.294.046.929	61.655.746.100
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.8	2.461.373.923	15.277.771.138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.832.673.006	46.377.974.962

NGÔ NGỌC THU NHAN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH
Giám đốc tài chính

TRẦN TẤN PHÚC
Tổng Giám đốc

TP.HCM, ngày 29 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

KHOẢN MỤC	Mã số	2011 VND	2010 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng , cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	165.464.245.205	159.830.418.828
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(75.648.355.101)	(94.822.906.857)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(25.910.638.620)	(21.034.635.249)
Tiền chi trả lãi vay	04	(154.794.400)	(370.359.274)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(5.853.742.633)	(1.789.376.560)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.844.339.438	260.237.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(35.842.680.725)	(37.363.312.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	28.898.373.164	4.710.065.245
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm , xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.082.944.936)	(14.873.041.310)
Tiền thu từ thanh lý , nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay , mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.750.312.351)	(35.459.207.600)
Tiền thu hồi cho vay , bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	28.390.708.951	128.694.025.425
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(8.389.584.000)	(57.896.759.262)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay , cổ tức và lợi nhuận được chia	27	770.863.630	2.590.567.611
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.061.268.706)	23.055.584.864
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu , nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn , dài hạn nhận được	33	2.732.739.027	8.310.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(410.000.000)	(5.300.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức , lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(14.894.745.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.322.739.027	(11.884.745.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	8.159.843.485	15.880.905.109
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	20.776.027.079	4.895.121.970
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	28.935.870.564	20.776.027.079

NGÔ NGỌC THU NHAN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH
Giám đốc tài chính

TRẦN TẤN PHÚC
Tổng Giám đốc

TP.HCM, ngày 29 tháng 02 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển (dưới đây được gọi tắt “Công ty”) là doanh nghiệp hoạt động độc lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 1 ngày 9 tháng 6 năm 2005 (vốn điều lệ 7,66 tỷ đồng), thay đổi lần 2 ngày 9 tháng 3 năm 2006 (vốn điều lệ 25,5 tỷ đồng), thay đổi lần 3 ngày 29 tháng 12 năm 2008, thay đổi lần 4 ngày 4 tháng 9 năm 2009, thay đổi lần 5 ngày 2 tháng 11 năm 2009 (vốn điều lệ 53,5 tỷ đồng), thay đổi lần 6 ngày 14 tháng 12 năm 2009 (vốn điều lệ 99,2983 tỷ đồng), thay đổi lần 7 ngày 20 tháng 07 năm 2011 (vốn điều lệ 99,2983 tỷ đồng) và thay đổi lần 8 ngày 29 tháng 12 năm 2011 (vốn điều lệ 120,8707 tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng - kỹ thuật Biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu;
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy;
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành;
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải;
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy);
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy); Thiết kế các công trình thủy;
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Lập quy hoạch các công trình giao thông, dân dụng và công nghiệp;
- Đo đạc bản đồ, thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ);
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế nội - ngoại thất công trình;
- Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước công trình; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Dịch vụ tư vấn hàng hải;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh phía Bắc của Công ty được đặt tại Nhà số 21 Tập thể Bệnh viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 168 người, trong đó số nhân viên quản lý là 9 người.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Quy ước kế toán chung

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc và các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán của năm trước, trừ trường hợp được trình bày tại mục 3.7 dưới đây.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Vào thời điểm cuối năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm cuối năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị nguyên vật liệu được xác định theo giá thực tế đích danh của chi phí nguyên vật liệu đó.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị truyền dẫn	6 - 8 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Nguyên giá ban đầu của Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí phát sinh trực tiếp để có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được cấp cho thời hạn không xác định, do đó không trích khấu hao.

Công ty có quyền sử dụng đất các diện tích đất tại các địa điểm sau :

<u>Diện tích</u>	<u>Địa điểm</u>
400,4m ²	số 328 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh
76.486,00 m ²	thửa 65, bản đồ số 52 xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
54,70m ²	số 83 Trần Văn Kiểu, Phường 13, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Trong năm 2009, giá trị quyền sử dụng đất của các diện tích tại các địa điểm trên được đánh giá lại và ghi nhận trong Báo cáo tài chính theo giá trị được thẩm định bởi Công ty TNHH thẩm định giá Đất Việt, theo chứng thư thẩm định giá số 02171209/KHDN ngày 26 tháng 12 năm 2009.

Trong năm 2010, giá trị quyền sử dụng đất của các diện tích tại các địa điểm trên được đánh giá lại và ghi nhận trong Báo cáo tài chính theo giá trị được thẩm định bởi Công ty TNHH thẩm định giá Đất Việt, theo chứng thư thẩm định giá số 03691/2010/VLAND-HCM ngày 20 tháng 12 năm 2010.

Phần mềm vi tính

Phần mềm vi tính được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

3.8 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.9 Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm quyền kiểm soát trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết đối với công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi có thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh.

Trong báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con được thể hiện theo giá gốc trừ đi khoản lỗ do tổn thất.

3.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là vốn góp của các cổ đông được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tăng/(giảm) do phát hành cổ phiếu cao/(thấp) hơn mệnh giá và chênh lệch tăng/(giảm) so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

3.12 Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận dựa trên phần công việc đã hoàn thành trong kỳ và được khách hàng xác nhận vào biên bản nghiệm thu. Công ty phát hành hóa đơn bán hàng căn cứ vào biên bản nghiệm thu từng phần trên cơ sở hợp đồng đã được ký kết.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

3.13 Thuế*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng trong năm 2011 là 25%.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

3.14 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tại quỹ	674.611.736	697.686.474
Tiền gửi ngân hàng	6.178.458.828	20.078.340.605
Các khoản tương đương tiền	22.082.800.000	-
	<u>28.935.870.564</u>	<u>20.776.027.079</u>

4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	9.349.168.000	5.940.518.240
	<u>9.349.168.000</u>	<u>5.940.518.240</u>

4.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu thương mại-bên thứ ba	10.084.183.284	16.054.481.603
	<u>10.084.183.284</u>	<u>16.054.481.603</u>

4.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trả trước cho người bán-bên thứ ba	11.703.169.008	5.209.264.618
Trả trước cho người bán-bên liên quan	1.891.340.198	4.986.188.564
	<u>13.594.509.206</u>	<u>10.195.453.182</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu tiền cho Công ty con và Cổ đông vay vốn	31.264.930.647	18.841.778.164
Khác	445.412.068	444.413.188
	<u>31.710.342.715</u>	<u>19.286.191.352</u>

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	65.078.647.438	37.580.681.455
	<u>65.078.647.438</u>	<u>37.580.681.455</u>

4.7 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tạm ứng cho công nhân viên thực hiện các hợp đồng kinh tế	4.485.470.016	4.423.201.474
	<u>4.485.470.016</u>	<u>4.423.201.474</u>

4.8 Phải thu dài hạn của khách hàng

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải Phía Nam	9.765.516.627	9.765.516.627
	<u>9.765.516.627</u>	<u>9.765.516.627</u>

Theo "Hồ sơ xác nhận giá trị sản lượng đã thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2004 của các hợp đồng kinh tế từ ngày 31 tháng 12 năm 2004 trở về trước" được ký giữa Công ty và Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải Phía Nam (Tedi South), đây là số chênh lệch giữa giá trị thực hiện hoàn thành của Công ty và tổng giá trị đã được Tedi South tạm ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2004.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/01/2011	35.804.980.523	5.876.740.337	16.501.083.028	58.182.803.888
Tăng trong năm	69.882.100	-	1.130.681.765	1.960.146.292
Giảm do thanh lý	-	(87.475.330)	-	(87.475.330)
Giảm do chuyển góp vốn	-	(229.847.609)	-	(229.847.609)
Vào ngày 31/12/2011	35.874.862.623	6.319.359.825	17.631.764.793	59.825.987.241
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/01/2011	597.914.378	3.834.724.169	5.305.548.592	9.738.187.139
Khấu hao trong năm	1.195.828.756	1.084.755.644	2.015.726.293	4.296.310.693
Giảm do thanh lý	-	(88.941.977)	-	(88.941.977)
Vào ngày 31/12/2011	1.793.743.134	4.830.537.816	7.321.274.885	13.945.555.835
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/01/2011	35.207.066.145	2.042.016.168	11.195.534.436	48.444.616.749
Vào ngày 31/12/2011	34.081.119.489	1.488.822.009	10.310.489.908	45.880.431.406

4.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Vào ngày 01/01/2011	99.577.816.920	5.075.920.544	104.653.737.464
Tăng trong năm	-	2.250.943.121	2.250.943.121
Vào ngày 31/12/2011	99.577.816.920	7.326.863.665	106.904.680.585
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2011	-	2.475.109.178	2.475.109.178
Khấu hao trong năm	-	900.641.039	900.641.039
Vào ngày 31/12/2011	-	3.375.750.217	3.375.750.217
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2011	99.577.816.920	2.600.811.366	102.178.628.286
Vào ngày 31/12/2011	99.577.816.920	3.951.113.448	103.528.930.368

Trong năm 2009 và năm 2010, nguyên giá quyền sử dụng đất tăng lần lượt là 73.377.039.634 VND và 15.571.675.186 VND do đánh giá lại quyền sử dụng đất như được trình bày tại mục 3.7 của Thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nhà A 2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM	40.718.970.909	40.715.890.909
Đất tại trung tâm TV căn cứ dịch vụ hàng hải Nhà 328 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM	142.177.909	106.090.909
	1.005.090.034	620.113.009
	41.866.238.852	41.442.094.827

4.12 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	759.763.239	1.021.807.289
Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	49.260.532	139.518.600
	809.023.771	1.161.325.889

4.13 Đầu tư dài hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư vào công ty con	105.429.873.729	96.700.649.784
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	6.469.707.000	6.469.707.000
Đầu tư dài hạn khác	18.474.950.000	17.034.950.000
	130.374.530.729	120.205.306.784

Các khoản đầu tư vào công ty con

	Tỷ lệ nắm giữ (%)		Giá trị khoản đầu tư (VND)	
	Cuối năm	Đầu năm	31/12/2011	01/01/2011
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Portcoast	70%	70%	888.292.000	888.292.000
Công ty TNHH Địa kỹ thuật Portcoast	87,88%	87,88%	8.700.000.000	8.700.000.000
Công ty TNHH Thương mại & DV Tin học X.C.O.M	70%	70%	2.400.000.000	1.400.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Truyền thông Toàn Cầu	51%	51%	255.000.000	255.000.000
Công ty TNHH Công chính AC	70%	70%	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Địa Hải	94,19%	74,29%	14.536.581.729	14.196.941.784
Công ty TNHH Đầu tư Nhân Phúc Đức	52,2%	52,2%	78.300.000.000	70.910.416.000
			105.429.873.729	96.700.649.784

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tỷ lệ nắm giữ (%)		Giá trị khoản đầu tư (VND)	
	Cuối năm	Đầu năm	31/12/2011	01/01/2011
Công ty tư vấn XD Cảng – Đường Thủy	21%	21%	3.445.707.000	3.445.707.000
Công ty CP tư vấn Xây dựng Tiền Giang	30.89%	30.89%	3.024.000.000	3.024.000.000
			6.469.707.000	6.469.707.000

Các khoản đầu tư dài hạn khác

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư (VND)	
		31/12/2011	01/01/2011
Công ty CP tiếp nhận và phân phối cảng Cái Mép Thị Vải		25.000.000	25.000.000
Công ty đầu tư y tế Sài Gòn Y Khoa	1.092.200	10.922.000.000	10.922.000.000
Công ty TNHH Công chính AC		3.240.000.000	1.800.000.000
Công ty CP kiểm định XD Sài Gòn	224.500	4.287.950.000	4.287.950.000
		18.474.950.000	17.034.950.000

4.14 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải trả người bán	29.359.875.615	46.352.142.231
Người mua trả trước	130.146.924.827	59.475.013.475
	159.506.800.442	105.827.155.706

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư phải trả người bán chủ yếu là trả cho Công ty CP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển Gemadept với số tiền là 21.115.000.000 VND về việc mua nhà và quyền sử dụng đất tại A 2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đang hoàn chỉnh thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

Số dư người mua trả trước là tiền ứng trước của khách hàng theo tiến độ thực hiện của hợp đồng. Khoản ứng trước này sẽ được ghi nhận giảm khi chủ đầu tư nghiệm thu công trình.

4.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.243.649.480	3.779.417.907
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.002.973.974	23.745.732.045
Thuế thu nhập cá nhân	7.610.852.034	5.300.028.272
Các loại thuế khác	13.598.024	13.598.024
	28.871.073.512	32.838.776.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.16 Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí phải trả thầu phụ khác	294.441.809	294.441.809
	<u>294.441.809</u>	<u>294.441.809</u>

4.17 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Kinh phí công đoàn	22.914.903	-
Bảo hiểm xã hội	1.428.829.839	287.562.145
Bảo hiểm y tế	273.687.768	64.194.107
Bảo hiểm thất nghiệp	116.726.840	26.464.480
Thu nhập do chênh lệch đánh giá lại tài sản (*)	2.957.279.222	4.605.701.984
góp vốn vào công ty con	10.664.500.000	9.177.251.168
Các khoản phải trả khác (**)	<u>15.463.938.572</u>	<u>14.161.173.884</u>

(*) Khoản thu nhập này Công ty sẽ phân bổ vào thu nhập khác trong thời gian 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015).

(**) Phải trả tiền vay vốn của các cổ đông.

4.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Số dư đầu kỳ	16.008.697.282	17.966.077.401
Tạm trích lập quỹ	360.000.000	7.940.000.000
Thu hồi tiền thưởng của năm 2009	119.283.000	260.237.000
Chi thưởng	<u>(9.320.287.578)</u>	<u>(10.157.617.119)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>7.167.692.704</u>	<u>16.008.697.282</u>

4.19 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
- Phải trả cho giá trị hoàn thành ngày 31/12/2004	9.765.516.627	9.765.516.627
- Phải trả khác	<u>3.062.951.490</u>	<u>3.062.951.490</u>
	<u>12.828.468.117</u>	<u>12.828.468.117</u>

4.20 **Vốn chủ sở hữu (“CSH”)**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303592115 được thay đổi lần 8 ngày 29 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.870.700.000 đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ, tương đương với 1.208.707 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần là 100.000 VND/ Cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

4.20 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo) – Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (01/01/2010)	99.298.300.000	7.625.000.000	73.377.039.634	641.629.549	6.160.000.000	5.010.000.000	-	10.759.475.981	202.871.445.164
Cổ phiếu quỹ tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	(254.300.000)
Lợi nhuận chưa phân phối tăng:									
-Tăng từ lợi nhuận năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	46.377.974.962	46.377.974.962
-Tăng do thu hồi cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	(254.300.000)	254.300.000	-
Lợi nhuận chưa phân phối giảm:									
-Trích lập quỹ	-	-	-	-	940.000.000	940.000.000	-	(9.820.000.000)	(7.940.000.000)
-Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(227.317.398)	(227.317.398)
Chênh lệch đánh giá lại TSCĐ vô hình	-	-	15.571.675.186	-	-	-	-	-	15.571.675.186
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(641.629.549)	-	-	-	-	(641.629.549)
Số dư cuối năm trước (31/12/2010)	99.298.300.000	7.625.000.000	88.948.714.820	-	7.100.000.000	5.950.000.000	(254.300.000)	47.344.433.545	256.012.148.365
Số dư đầu năm (01/01/2011)	99.298.300.000	7.625.000.000	88.948.714.820	-	7.100.000.000	5.950.000.000	(254.300.000)	47.344.433.545	256.012.148.365
Cổ phiếu quỹ tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối tăng:									
-Tăng từ lợi nhuận năm 2011	-	-	-	-	-	-	-	7.832.673.006	7.832.673.006
-Tăng do thu hồi cổ phiếu thường	-	-	-	-	-	-	(1.219.800.000)	7.757.700.000	6.537.900.000
-Tăng từ chia cổ tức năm 2010	14.674.500.000	-	-	-	-	-	-	(14.674.500.000)	-
-Tăng khen thưởng bằng cổ phiếu	6.897.900.000	-	-	-	-	-	1.474.100.000	(8.372.000.000)	-
Lợi nhuận chưa phân phối giảm:									
-Trích lập quỹ	-	-	-	-	360.000.000	360.000.000	-	(720.000.000)	-
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm 2010	-	-	-	-	-	-	-	350.389.361	350.389.361
Hoàn nhập cổ tức phải trả	-	-	-	-	-	-	-	18.495.000	18.495.000
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	(743.218.835)	(743.218.835)
Số dư cuối năm (31/12/2011)	120.870.700.000	7.625.000.000	88.948.714.820	-	7.460.000.000	6.310.000.000	-	38.793.972.077	270.008.386.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Năm 2009 và năm 2010 chênh lệch đánh giá lại tài sản tăng là 73.377.039.634 VND và 15.571.675.186 VND do đánh giá lại giá trị tài sản cố định vô hình -Quyền sử dụng đất, như đã được trình bày tại mục 3.7 và mục 4.10 trên đây.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	99.298.300.000	99.298.300.000
Vốn góp tăng trong năm	21.572.400.000	-
Vốn góp cuối năm	120.870.700.000	99.298.300.000

Cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.208.707	992.983
- Cổ phiếu phổ thông	535.000	535.000
- Cổ phiếu phổ thông (có điều kiện chuyển nhượng)	673.707	457.983
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.208.707	992.983
- Cổ phiếu phổ thông	535.000	535.000
- Cổ phiếu phổ thông (có điều kiện chuyển nhượng)	673.707	457.983
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.208.707	992.983
- Cổ phiếu phổ thông	535.000	535.000
- Cổ phiếu phổ thông (có điều kiện chuyển nhượng)	673.707	457.983
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.025.486.846	149.680.182.324
Trừ : Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>81.025.486.846</u>	<u>149.680.182.324</u>

5.2 Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	61.038.851.630	77.233.943.341
	<u>61.038.851.630</u>	<u>77.233.943.341</u>

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	450.751.130	1.535.448.823
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	135.817.179	905.429.126
Cổ tức nhận được do đầu tư tài chính	544.826.551	544.661.550
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.119.121
	<u>1.131.394.860</u>	<u>2.986.658.620</u>

5.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.625.196	165.306.702
Lãi vay	154.794.400	370.359.274
	<u>161.419.596</u>	<u>535.665.976</u>

5.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	7.247.013.345	7.222.541.920
Chi phí vật liệu	62.440.651	172.067.251
Chi phí đồ dùng	35.014.455	659.543.090
Thuế phí và lệ phí	2.564.846.728	2.517.835.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	855.273.844	832.129.220
Chi phí bằng tiền khác	1.656.549.626	1.828.847.738
	<u>12.421.138.649</u>	<u>13.232.964.628</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.6 Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập do đánh giá lại tài sản góp vốn vào công ty con	1.675.960.845	74.478.656
Bảo hiểm tài sản bị mất	82.614.253	1.098
	1.758.575.098	74.479.754

5.7 Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	83.000.603
Chi phí khác	-	50
	-	83.000.653

5.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.294.046.929	61.655.746.100
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Trừ thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(544.826.551)</i>	<i>(544.661.550)</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	9.845.495.691	61.111.084.550
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.461.373.923	15.277.771.138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.461.373.923	15.277.771.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**6.1 Các bên có liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Cty CP tư vấn đầu tư Portcoast	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Địa kỹ thuật Portcoast	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH TM&DV tin học Xcom	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Địa Hải	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Công chính AC	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Tư vấn truyền thông toàn cầu	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty TNHH Đầu tư Nhân Phúc Đức	TP. Hồ Chí Minh	Công ty con
Cty Cty CP tư vấn XD Cảng Đường Thủy	Hà Nội	Công ty liên kết
Cty CP Xây dựng Tiền Giang	Tiền Giang	Công ty liên kết

Trong năm tài chính các nghiệp vụ chủ yếu của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền VND
Cty TNHH Địa Hải	Cho vay vốn kinh doanh	7.623.156.755
	Góp vốn	339.639.945
	Trả trước người bán	5.343.648.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	5.842.522.000
Cty TNHH Địa kỹ thuật Portcoast	Cho vay vốn kinh doanh	16.100.994.100
	Góp vốn	-
	Trả trước người bán	6.190.232.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	8.954.318.504
Cty TNHH TM&DV tin học Xcom	Cho vay vốn kinh doanh	974.740.000
	Góp vốn	1.000.000.000
	Thu hồi tiền vay	1.473.777.078
Cty TNHH Công chính AC	Cho vay vốn kinh doanh	3.975.000.000
	Đầu tư dài hạn	1.440.000.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.323.168.586
	Thu hồi tiền vay	2.634.905.586
Cty TNHH Tư vấn TT Toàn cầu	Trả trước người bán	571.310.500
	Cho vay vốn kinh doanh	457.130.000
	Thu hồi tiền vay	96.612.000
	Mua hàng hóa, dịch vụ	635.402.000
Cty TNHH Đầu tư Nhân Phúc Đức	Góp vốn	7.389.584.000
	Cho vay vốn kinh doanh	1.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu /(Phải trả) VND
Phải thu		
Cty TNHH Địa kỹ thuật Portcoast	Trả trước người bán	26.945.000
	Cho vay vốn kinh doanh	14.354.412.100
Cty TNHH TM&DV tin học Xcom	Phải thu do chi hộ	1.473.777.078
	Cho vay vốn kinh doanh	253.967.310
Cty TNHH Công chính AC	Trả trước người bán	100.000.000
	Cho vay vốn kinh doanh	2.534.216.664
Cty TNHH Tư vấn TT Toàn Cầu	Phải thu do chi hộ	1.756.000
	Cho vay vốn kinh doanh	473.048.000
Cty TNHH Địa Hải	Cho vay vốn kinh doanh	2.652.508.755
Cty CP tư vấn đầu tư Portcoast	Cho vay vốn kinh doanh	10.000.000
	Trả trước người bán	95.400.000
Phải trả		
Cty TNHH Địa kỹ thuật Portcoast	Mua hàng hóa, dịch vụ	(102.971.000)

6.2 Sự kiện phát sinh sau niên độ

Vào ngày 04 tháng 01 năm 2012, Công ty đã góp số tiền là 4.000.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư HFIC để trở thành cổ đông sáng lập và nắm giữ 40% vốn điều lệ tại công ty này.

6.3 Thông tin khác

Khoản tiền thuế phải trả năm 2010 và năm 2011 theo thông báo số 603/TB07-CT-KT ngày 15 tháng 12 năm 2011 và số 201167/TB07-CT-KT ngày 06 tháng 04 năm 2011 là 1.325.315.100 đồng sẽ được Công ty ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2012.

NGÔ NGỌC THU NHAN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ TÂM TRINH
Giám đốc tài chính

TRẦN TẤN PHÚC
Tổng Giám đốc

TP.HCM, ngày 29 tháng 02 năm 2012